

Số: 649/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 20 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 687/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Nguyễn Quang N**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn D, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị **Huỳnh Thị B**, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn D, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang N và chị Huỳnh Thị B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P (nay là thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/7/2019. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 02 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên gây gổ, xúc phạm, cãi vã nhau. Hiện nay, vợ chồng anh N, chị B đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh N, chị B thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Quang N và chị Huỳnh Thị B đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 30/7/2019. Hiện nay cháu Đ đang ở với chị B. Anh N, chị B tự nguyện thỏa thuận, giao cháu Nguyễn Quang Đ cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến

khi cháu Đ trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Quang N và chị Huỳnh Thị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Quang N và chị Huỳnh Thị B đều xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Quang N và chị Huỳnh Thị B mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004589 ngày 01/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh N và chị B đã nộp đủ.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang N và chị Huỳnh Thị B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Quang N và chị Huỳnh Thị B có 01 con chung tên là Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 30/7/2019. Anh Nguyễn Quang N và chị Huỳnh Thị B tự nguyện thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 30/7/2019 cho chị B trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Quang N và chị Huỳnh Thị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Quang N và chị Huỳnh Thị B đều xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Quang N và chị Huỳnh Thị B mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004589 ngày 01/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh N và chị B đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Huế;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND xã D, TP H
(ĐKKH số 45 ngày 02/7/2019);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Hồng